

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2023/HSST
Ngày: 24-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X,
TỈNH B

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trần Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Đình Hường
- Ông Văn Phú Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Danh Thị Ngọc Lệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa:** Ông Cù Hoàng Vũ- Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 77/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Kiều H, sinh năm 1981 tại tỉnh T Nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã P, huyện X, tỉnh B; chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Thổ; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang B (đã chết) và bà Lê Thị L, sinh năm 1951; có vợ (đã ly hôn), có 02 người con (sinh năm 2005 và 2017); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 23/9/2021, bị Cơ quan điều tra Công an huyện X khởi tố về hành vi “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Ngày 19/11/2021, bị hại rút đơn yêu cầu xử lý hình sự nên Cơ quan điều tra Công an huyện X ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án và đình chỉ điều tra bị can số 03/QĐ và trả tự do đối với H; bị bắt tạm giam tại nhà Tạm giữ Công an huyện X ngày 06/4/2023. “Có mặt”

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Trần Minh H1, sinh năm 1994. Trú tại: Khu phố P, thị trấn P, huyện X, tỉnh B, vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1991. Trú tại: Khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đ, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 06/4/2023, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm Kinh tế-Môi trường Công an huyện X phối hợp với Công an xã P, huyện X đi tuần tra trên địa bàn, khi đến đoạn đường nông thôn thuộc ấp H, xã P, huyện X phát hiện Lê Kiều H điều khiển xe mô tô biển số 60F2-422.86 chở Trần Minh H1 phía sau có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu kiểm tra thì phát hiện H cất giấu 01 gói ma túy trong cốp xe. H khai do mua của một người tên É (không rõ lai lịch) vào trưa ngày 04/4/2023.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của mình và thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Lê Kiều H đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Về kết luận giám định: Tại Bản kết luận giám định số 142/KL-KTHS-MT ngày 11/4/2023 của Phòng K, Công an tỉnh B kết luận: Mẫu chất kết tinh không màu-trong suốt chứa trong 01 phong bì màu vàng được niêm phong có hình dấu của Công an xã P, huyện X, tỉnh B và các chữ ký của Phạm Văn D, Trần Duy L1, Phạm Hữu V, Trần Minh H1, Lê Kiều H gửi đến giám định có khối lượng 0,2706 gam là ma túy loại Methamphetamine (bút lục số 36).

Về xử lý vật chứng: 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong số vụ 142 ngày 11/4/2023, có hình dấu của Thượng tá Đỗ Xuân H2, Hoàng Thị Lan M, Nguyễn Ngọc T1 là ma túy hoàn lại sau giám định; 01 nỏ thủy tinh; 01 túi xách bằng da, màu nâu; 01 xe mô tô, hiệu Yamaha, loại Nouvo SX, biển số 60F2-422.86, có số khung RLCSE9210GY097083, số máy E3R7E097094.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại Bản cáo trạng số 73/CT-VKS, ngày 31/7/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố Lê Kiều H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1, Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; đề nghị xử phạt bị cáo từ 16 tháng đến 20 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 phong bì màu trắng được niêm phong số vụ 142 ngày 11/4/2023, có hình dấu của Thượng tá Đỗ Xuân H2, Hoàng Thị Lan M, Nguyễn Ngọc T1 là ma túy hoàn lại sau giám định; 01 nỏ thủy tinh; 01 túi xách bằng da, màu nâu không còn giá trị sử dụng; tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô, hiệu Yamaha, loại Nouvo SX, biển số 60F2-422.86, có số khung RLCSE9210GY097083, số máy E3R7E097094 là công cụ, phương tiện phạm tội.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo Lê Kiều H: Bị cáo hứa không tái phạm, không làm phiền cơ quan, đoàn thể, tổ chức nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo, xét thấy: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 06/4/2023, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm Kinh tế-Môi trường Công an huyện X phối hợp với Công an xã P, huyện X đi tuần tra trên địa bàn, khi đến đoạn đường nông thôn thuộc ấp H, xã P, huyện X phát hiện bị cáo H điều khiển xe mô tô biển số 60F2-422.86 chở Trần Minh H1 phía sau có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu kiểm tra thì phát hiện H cất giấu trong cốp xe 01 gói ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,2706 gam để sử dụng. Hành vi bị cáo cất giấu ma túy không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy bị cáo đã trực tiếp xâm phạm công tác quản lý của nhà nước đối với các chất ma túy; gây mất an ninh, trật tự, an toàn tại địa phương; bản thân bị cáo đã từng có hành vi cố ý gây thương tích cho người khác. Do đó, cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù, cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có công ăn việc làm, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự và không xử phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì màu trắng được niêm phong số vụ 142 ngày 11/4/2023, có hình dấu của Thượng tá Đỗ Xuân H2, Hoàng Thị Lan M, Nguyễn Ngọc T1; 01 nỏ thủy tinh; 01 túi xách bằng da, màu nâu, vì không còn giá trị sử dụng; tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô, hiệu Yamaha, loại Nouvo SX, biển số 60F2-422.86, có số khung RLCSE9210GY097083, số máy E3R7E097094 là công cụ, phương tiện phạm tội.

[9] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị tịch thu và tiêu hủy 01 phong bì màu trắng được niêm phong số vụ 142 ngày 11/4/2023, có hình dấu của Thượng tá Đỗ Xuân H2, Hoàng Thị Lan M, Nguyễn Ngọc T1; 01 nỏ thủy tinh; 01 túi xách bằng da, màu nâu, vì không còn giá trị sử dụng; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô, hiệu Yamaha, loại Nouvo SX, biển số 60F2-422.86, có số khung RLCSE9210GY097083, số máy E3R7E097094 là công cụ, phương tiện phạm tội là có căn cứ, nên chấp nhận.

[10] Trong vụ án này, Trần Minh H1 không biết bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo không rủ H1 sử dụng ma túy chung nên cơ quan có thẩm quyền không xử trách nhiệm hình sự đối với H1 là có căn cứ.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Kiều H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Lê Kiều H 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/4/2023.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Tịch thu và tiêu hủy 01 phong bì màu trắng được niêm phong số vụ 142 ngày 11/4/2023, có hình dấu của Phòng kỹ thuật công an tỉnh B và các chữ ký ghi họ tên: Thượng tá Đỗ Xuân H2, Hoàng Thị Lan M, Nguyễn Ngọc T1 (hoàn trả sau giám định); 01 nỏ thủy tinh; 01 túi xách bằng da, màu nâu;

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô, hiệu Yamaha, loại Nouvo SX, biển số 60F2-422.86, có số khung RLCSE9210GY097083, số máy E3R7E097094.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng số 78/BB ngày 01/8/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện X và Chi cục Thi hành án dân sự huyện X).

Án phí: Bị cáo Lê Kiều H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

